CHUẨN HÓA VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHUẨN HÓA ĐẾN QUẢN LÍ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN

• PHẠM MINH GIẢN
Trường ĐH Đồng Tháp

1. Chuẩn hóa

Chuẩn hóa là một xu thế phát triển tất yếu của các quốc gia trên thế giới. Trong quá trình đổi mới, hiện đại, hội nhập, Việt Nam đã và đang thực hiện chuẩn hóa trên các lĩnh vực, trong đó có giáo dục. Tuy nhiên, vấn đề chuẩn hóa cũng khá phức tạp, đòi hỏi phải có quan điểm hệ thống, toàn diện để nghiên cứu. Gần đây, các cơ quan quản lí giáo dục của một số quốc gia đã có cơ quan chuyên trách về vấn đề chuẩn hóa.

1.1. Định nghĩa về chuẩn

Có nhiều định nghĩa khác nhau về chuẩn; Theo Đại từ điển bách khoa toàn thư thế giới Britania - 2002: Chuẩn (Standard) là cái được xác lập bởi quyền lực, tập quán hoặc sự thỏa thuận để làm mẫu hoặc vật so sánh; Chuẩn là cái được đặt ra và được xác lập để làm luật lệ (quy tắc) đo lường số lượng, trọng lượng, giá trị hoặc chất lượng. Theo Từ điển Tiếng Việt, Chuẩn được hiểu: là cái được chọn làm mốc để dọi vào, để đối chiếu mà làm cho đúng; là cái được chọn làm mẫu đo lường đánh giá (chuẩn quốc gia, chuẩn quốc tế); là cái được xem là đúng với quy định, với thói quen xã hội. Như vậy, có thể hiểu: Chuẩn là yêu cầu, tiêu chí có tính nguyên tắc, công khai và mang tính xã hội, được đặt ra bởi quyền lực hành chính và cả chuyên môn để làm thước đo đánh giá trình độ đạt được về chất lượng, hoạt động công việc, sản phẩm, dịch vụ,... trong lĩnh vực nhất định theo mong muốn của chủ thể quản lí nhằm đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.

1.2. Phân loại chuẩn

- Theo tính pháp lí của chuẩn:

Chuẩn bắt buộc hay chuẩn pháp lí: do các cơ quan, tổ chức của chính phủ tạo ra để làm công cụ quản lí. Chuẩn loại này bắt buộc các cơ quan tổ chức có liên quan đến lĩnh vực mà chuẩn đề cập đến phải tuân theo;

Chuẩn khuyến nghị: do các tổ chức phi chính phủ hoặc các cơ quan có thẩm quyền nhà nước ban hành, không bắt buộc phải thực hiện theo luật pháp.Chuẩn khuyến nghị thường được khuyến khích thực hiện và sau một thời gian sử dụng nào đó, có thể trong những chuẩn này có những chuẩn trở thành chuẩn bắt buộc.

- Theo nội dung của chuẩn:

Chuẩn kĩ thuật hay chuẩn kích thước thường đặt ra những tiêu chí có tính kĩ thuật liên quan đến việc xác định kích cỡ, hình dạng, tần suất, tốc độ... hoặc bất kì thuộc tính nào khác của một sản phẩm hay dịch vụ nào đó;

Chuẩn chất lượng xác định làm thế nào để sự vật đó thích hợp với mục đích đề ra và cũng xác định được mức độ và giá trị mong muốn đạt tới đối với một sản phẩm, dịch vụ,...nào đó.

Sự phân biệt chuẩn kĩ thuật, chuẩn chất lượng chỉ là tương đối. Thực tế, chuẩn kĩ thuật hay kích thước cũng là chuẩn chất lượng.

- Theo phạm vi áp dụng và hiệu lực quản lí của chuẩn:

Chuẩn quốc tế là chuẩn bắt buộc hoặc khuyến nghị có hiệu lực và phạm vi áp dụng trong nhóm quốc gia, trong khu vực hoặc toàn cầu;

Chuẩn quốc gia là chuẩn bắt buộc hoặc khuyến nghị có hiệu lực và phạm vi áp dụng trong nước, có tính toàn quốc do Nhà nước hoặc các tổ chức quốc gia ban hành;

Chuẩn nội bộ là chuẩn bắt buộc hoặc khuyến nghị có hiệu lực và phạm vi áp dụng trong một tổ chức, lĩnh vực hay địa bàn, địa phương cụ thể.

1.3. Chuẩn hóa, chuẩn hóa giáo dục

- Chuẩn hóa (standardization) là xác lập chuẩn mực, chỉ việc đảm bảo đầy đủ các chuẩn quy định cho ngành nghề lao động nào đó. Chuẩn hóa là quá trình làm cho các sự vật, đối tượng thuộc phạm trù nhất định (kinh doanh, dịch vụ, sản xuất, giáo dục, y tế, thể thao,...) đáp ứng được các chuẩn đã ban hành trong phạm vi áp dụng và hiệu lực của chuẩn đó.

Như vậy, có thể nói chuẩn hóa là một quá

trình trong đó bao gồm cả việc phát triển chuẩn (xây dựng và điều chỉnh chuẩn); áp dụng chuẩn (ban hành chuẩn và thực hiện chuẩn); quản lí thực hiện chuẩn (tổ chức, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện chuẩn; đánh giá kết quả áp dụng và hiệu lực của chuẩn).

- Chuẩn hoá giáo dục là vấn đề sử dụng chuẩn để quản lí chất lượng giáo dục như một hệ thống gồm nhiều thành tố mang chất lượng tổng thể. Đó cũng chính là đưa các yếu tố sư phạm và yếu tố khác trong các khâu quản lí, tổ chức, tài chính, hành chính, kinh tế, văn hóa... của giáo dục vào phạm vi tác động và kiểm soát tích cực của chuẩn nhằm mục đích phát triển giáo dục tốt hơn. Theo tác giả Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng trong "Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai-Vấn đề và giải pháp": Đến lúc "chuẩn hóa tất cả các trường, các cấp học và bậc học, hoạt động dạy và học, các phương tiện giáo dục-đào tạo nhằm vào thực hiện tốt mục tiêu giáo dục. Từ đội ngũ giáo viên (GV), cơ sở đào tạo, cơ sở vật chất-kĩ thuật, lớp học, chương trình, sách giáo khoa... và nhất là trình độ phải đạt được sau một cấp học, bậc học, đều phải đạt chuẩn, lúc đầu đạt chuẩn quốc gia và dần dần đến chuẩn quốc tế".

1.4. Các loại chuẩn trong giáo dục

- Chuẩn nội dung quy định chi tiết, cụ thể về những kiến thức người học có thể đạt được và những hiểu biết mà người học cần mở mang thêm cũng như những kĩ năng về trí tuệ mà người học cần phát triển trong quá trình học tập. Chuẩn nội dung giúp người học biết cần đạt cái gì, giúp GV và cơ sở đào tạo biết phải dạy cái gì.

- Chuẩn trình diễn (chuẩn hình thức thể hiện) là những tiêu chí để xác định mức độ về trình độ hoặc mức độ thành công của người học trong việc đạt chuẩn nội dung. Kết quả học tập của người học cần được thể hiện qua kiểm tra miệng, kiểm tra viết hoặc qua trình bày bằng những hình thức như tranh, ảnh, biểu, bảng, băng hình... Có 3 cấp độ trình diễn thể hiện mức độ đạt được chuẩn: cấp độ cơ bản, cấp độ thông thạo và cấp độ cao.

- Chuẩn về điều kiện giáo dục (chuẩn cơ hội giáo dục) bao gồm: 1/ Chuẩn cho GV là tiêu chí xác định những yêu cầu đối với GV, gồm sự chuẩn bị phù hợp về môn học, về khả năng truyền đạt kiến thức chuyên môn, kĩ năng sư phạm... 2/ Chuẩn đối với trường học là việc giảng dạy, truyền đạt kiến thức, sự công bằng và cơ hội học tập cho người học...3/ Chuẩn cho các cơ quan giáo dục là những tiêu chí để đảm bảo mức độ thành công của những cơ quan giáo dục trong quá trình tham gia các hoạt động giáo dục.

Ba loại chuẩn nội dung, chuẩn trình diễn, chuẩn điều kiện có liên quan mật thiết với nhau.

1.5. Chức năng của hệ thống chuẩn trong giáo dục

- Chức năng thống nhất trong ngành Giáo dục: Quản lí giáo dục phải đảm bảo sự thống nhất và tập trung. Chuẩn là một trong những nội dung của sự đảm bảo đó. Dùng các chuẩn để thống nhất các tiêu chí quản lí trong ngành Giáo dục, tạo dựng hệ thống giáo dục được điều hành bởi hệ thống giá trị được xã hội thừa nhận.

- Chức năng quản lí chất lượng: Có nhiều quan niệm khác nhau về chất lượng. Cần có chuẩn để làm cơ sở cho sự quản lí và quản lí chất lượng. Các chuẩn là công cụ để quản lí chất lượng giáo dục theo các cấp học, ngành học.

- Chức năng xã hội hoá giáo dục: Các chuẩn giáo dục là công cụ hữu hiệu để quản lí giáo dục theo hướng chất lượng nhằm tạo hệ thống giáo dục mở rộng cho mọi người trong xã hội thực hiện nhu cầu học tập của mình, không phân biệt đối xử đầu vào như tuổi tác, thời gian học, bằng cấp..., miễn là đủ chất lượng giáo dục được kiểm định trực tiếp.

- Chức năng hội nhập giáo dục: Các chuẩn giáo dục được cập nhật chất lượng quốc tế là điều kiện để giáo dục Việt Nam hội nhập với hệ thống giáo dục quốc tế. Nền giáo dục phải theo sát những chuẩn mực quốc tế để có thể chuyển biến. Chuẩn mực về nội dung cần được ưu tiên hơn chuẩn mực về hình thức. Chuẩn mực không chỉ bắt đầu bằng các chỉ tiêu về diện tích, cơ sở vật chất, trang bị... mà có thể bắt đầu từ chương trình và sách giáo khoa, từ phương pháp dạy và học, từ phương cách đánh giá.

Với các chức năng nêu trên, việc thực hiện quan điểm chuẩn hoá trong giáo dục, đào tạo nói chung và phát triển đội ngũ GV trước bối cảnh đổi mới hiện nay là hết sức cấp thiết nhằm đưa giáo dục phát triển và hội nhập.

2. Chuẩn hoá GV và chuẩn hóa đội ngũ GV

2.1. Chuẩn hóa GV

- Chuẩn hoá GV là việc yêu cầu người GV phải đạt đầy đủ các chuẩn quy định cho ngành học hoặc cấp học mà người GV đó giảng dạy, bao gồm chuẩn về trình độ đào tạo, chuẩn về năng lực nghề nghiệp, chuẩn về phẩm chất đạo đức. Như vậy, chuẩn hoá GV có một nội hàm rộng, không chỉ là trình độ chuẩn mà còn bao gồm các yếu tố của chuẩn nghề nghiệp như phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức; kiến thức và kĩ năng sư phạm.

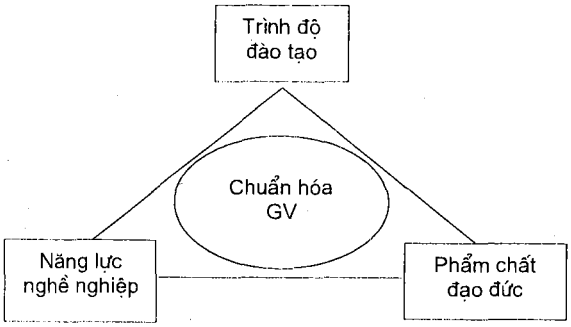

Sơ đồ 1: Chuẩn hóa GV

- Chuẩn hoá GV là biện pháp cần thiết để xây dựng đội ngũ GV có chất lượng phù hợp với yêu cầu dạy- học của từng môn học, bậc học trong mỗi thời kì khác nhau của sự nghiệp phát triển giáo dục.

2.2. Chuẩn hóa đội ngũ GV

Theo Từ điển Tiếng Việt1999, đội ngũ là tập hợp số đông người cùng chức năng, nghề nghiệp hợp thành lực lượng hoạt động trong tổ chức. Tác giả Vũ Văn Tảo trong "Một số khuynh hướng mới trong phát triển giáo dục nước ta" quan niệm đội ngũ GV là những chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục, họ nắm vững tri thức và hiểu biết dạy học và giáo dục như thế nào và có khả năng cống hiến toàn bộ tài năng, sức lực của họ cho giáo dục.

Từ điển Giáo dục học - 2001, định nghĩa đội ngũ GV là tập thể những người đảm nhiệm công tác giáo dục và dạy học có đủ tiêu chuẩn đạo đức, chuyên môn và nghiệp vụ quy định; là lực lượng quyết định hoạt động giáo dục của nhà trường, cho nên cần được đặc biệt quan tâm xây dựng mọi mặt, phải có đủ số lượng, phù hợp với cơ cấu giảng dạy của các bộ môn, phải đảm bảo tỉ lệ cân đối giữa nam và nữ, giữa lớp già với lớp trẻ. Chuẩn hóa đội ngũ GV bao gồm chuẩn hóa về số lượng, chất lượng và cơ cấu.

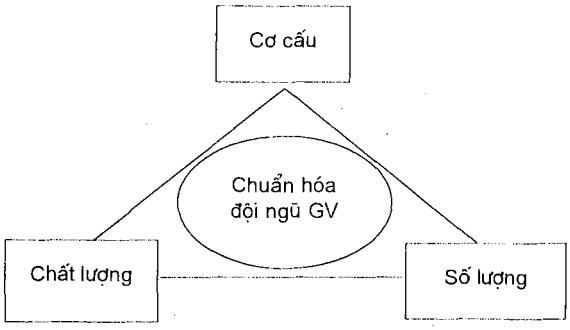

Sơ đồ 2: Chuẩn hóa đội ngũ GV

- Về số lượng: Đảm bảo các môn học theo quy định và thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục; đảm bảo tỉ lệ GV lớp. Cần tính đến công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục để đảm bảo số lượng.

- Về chất lượng: Đảm bảo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, chuẩn nghề nghiệp GV theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng; kiểm tra - đánh giá để đảm bảo chất lượng.

- Về cơ cấu: Đảm bảo sự đồng bộ các loại hình bộ môn, giới tính, độ tuổi, vùng miền. Cơ cấu môn học là xác định tỉ lệ GV hợp lí giữa các bộ môn với chương trình học. Cơ cấu theo độ tuổi là cơ cấu lao động phục vụ sự thay thế (trẻ, già), đảm bảo sự cân đối giữa các thế hệ để vừa có thể phát huy được kinh nghiệm của GV cao tuổi, đồng thời phát huy được sự nhiệt tình, hăng hái, năng động, sáng tạo của đội ngũ trẻ. Cơ cấu xã hội gồm cơ cấu giới tính, thành phần dân tộc, thành phần chính trị. Trong thực tế, những yếu tố tác động đến hiệu suất lao động như: điều kiện để được đào tạo, nâng cao, bồi dưỡng thường xuyên, thời gian học tập của cá nhân, thời gian nghỉ dạy do sinh sản, con ốm,... phụ thuộc vào giới tính. Sự phân bố một tỉ lệ tương đối hợp lí giữa GV người Kinh và GV người dân tộc trong các trường có học sinh là người dân tộc; tỉ lệ GV là đảng viên một cách hợp lí, làm hạt nhân lãnh đạo chính trị trong nhà trường là những vấn đề quan tâm (xem sơ đồ 3).

3. Tác động của việc chuẩn hóa đến quản lí đội ngũ GV

Chuẩn hóa GV tác động đến các cấp quản lí giáo dục, các cơ sở giáo dục và bản thân của từng GV trên nhiều bình diện.

3.1. Tác động đến công tác tổ chức

- Các chủ thể quản lí GV được xác định từ cấp vĩ mô đến vi mô, từ cấp quản lí hành chính nhà nước về giáo dục cho đến các cơ sở giáo

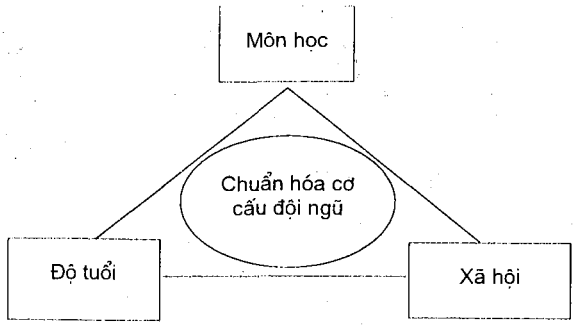

Sơ đồ 3: Chuẩn hóa cơ cấu đội ngũ GV

dục và đào tạo. Đó là Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo, các bộ, ngành liên quan; là ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn giúp ủy ban nhân dân quản lí nhà nước về giáo dục ở địa phương; là hiệu trưởng của các trường đại học, cao đẳng đào tạo GV và hiệu trưởng quản lí trực tiếp của các trường học nơi GV đang công tác. Đó là cả một hệ thống tổ chức trong công tác quản lí đội ngũ GV liên quan đến vấn đề cơ cấu bộ máy; chức năng, nhiệm vụ; phân cấp, phân quyền; phối hợp và trực thuộc...

- Hình thành và hoàn thiện các hệ thống văn bản pháp quy về quản lí đội ngũ GV như chiến lược phát triển đội ngũ; các quy định về trình độ đào tạo; các định mức lao động; các chuẩn nghề nghiệp GV; công tác đào tạo, bồi dưỡng GV; chính sách tuyển chọn, đãi ngộ, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ GV.

3.2. Tác động đến công tác quản lí GV

Việc chuẩn hóa dẫn đến những thay đổi trong công tác quản lí GV.

- Việc quản lí GV sẽ toàn diện hơn. Công tác quản lí người GV không chỉ có giảng dạy mà bên cạnh đó còn công tác nghiên cứu, học tập bồi dưỡng và công tác phục vụ. Quản lí sẽ hướng vào chất lượng bên cạnh các số lượng công việc. Quản lí các thông tin về định lượng và định tính. Các tiêu chuẩn, tiêu chí, mức độ, minh chứng... cũng cần phải xây dựng, phát triển, lưu trữ.

- Việc quản lí toàn diện GV sẽ nâng cao trách nhiệm quản lí của các cấp, của nhà trường từ các khâu kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra.

- Việc chuẩn hóa đội ngũ GV tác động đến việc xây dựng các kế hoạch chiến lược, kế hoạch hành động để thực hiện về số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ cũng như chất lượng của mỗi GV .

- Phương pháp, phương tiện quản lí đòi hỏi phải khoa học, hiện đại.

3.3. Tác động đến GV

Trên cơ sở của chuẩn hóa và sự tác động của các cấp về công tác chuẩn hóa GV, bản thân người GV có trách nhiệm thực hiện việc chuẩn hóa.

Người GV không chỉ đảm bảo trình độ đào tạo theo quy định mà còn phải biết trang bị các kĩ năng ngoại ngữ, tin học; phải biết ứng dụng, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá nhà trường; phải biết đổi mới cách dạy, cách học; phải thường xuyên cập nhật các kiến thức trong nước và thế giới, các thành tựu của lĩnh vực chuyên ngành và các ngành liên quan phục vụ cho công tác giảng dạy.

Người GV phải có thái độ phục vụ, quan hệ ứng xử tốt với học sinh, đồng nghiệp, nhà trường, cộng đồng, xã hội.

Người GV phải được đánh giá từ nhiều phía, trước hết đó là sự tự đánh giá và là sự đánh giá của đồng nghiệp, của tổ chức theo những tiêu chuẩn, tiêu chí quy định; từ đó biết được ưu điểm, nhược điểm của bản thân để phát huy những mặt mạnh và khắc phục những hạn chế của chính mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Đắc Hưng, *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai - Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
2. Vũ Đình Chuẩn, *Phát triển đội ngũ giáo viên tin học trường THPT theo quan điểm chuẩn hóa và xã hội hóa*, luận án-2008.
3. Đặng Thành Hưng, Trịnh Hồng Hà, *Vấn đề chuẩn và chuẩn hóa trong giáo dục phổ thông*, Tạp chí Thông tin khoa học giáo dục, số 100-2003.
4. Đặng Thành Hưng, *Quan niệm về chuẩn hóa trong giáo dục, Phát triển giáo dục*, số 75-2005.
5. Vũ Văn Tảo, *Một số khuynh hướng mới trong phát triển giáo dục nước ta*, Hà Nội, 1997.
6. Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc Gia Hà Nội, *Kỉ yếu hội thảo quốc tế Chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục trong tiến trình đổi mới giáo dục-2009*.

SUMMARY

Standardization is a necessary development for all countries. In the time of internationalization, Vietnam has made standardization in many sectors, including education. This article presents issues related to: 1. standardization; standardization in education; 2. standardized teachers; 3. Impacts of standardization on staff management.